**Biểu 17**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | |
| **Tiến sĩ** | | **Thạc sĩ** |
| 1. **Điều kiện đăng kí tuyển sinh, các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học** | | | | |
|  | Điều kiện đăng kí tuyển sinh | **- Về văn bằng:**  a) Có bằng thạc sỹ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển, hoặc  b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên, phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.  **- Bài báo/công trình khoa học**  Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.   * **Ngoại ngữ:**   + ***Người dự tuyển là công dân Việt Nam*** phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:  a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;  b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;  c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;  d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).  + ***Người dự tuyển là công dân nước ngoài*** phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của trường Đại học Lâm nghiệp.  **- Thư giới thiệu:**  Người tham gia dự tuyển cần có ít nhất 01 thư giới thiệu của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.  **- Về đề cương nghiên cứu:**  Đề cương nghiên cứu gồm những nội dung chính: Tên đề tài hoặc định hướng nghiên cứu; Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu; Mục tiêu nghiên cứu; Nội dung nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả dự kiến; Kế hoạch thực hiện; Tài liệu tham khảo. Đề xuất người hướng dẫn (*mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn; ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường Đại học Lâm nghiệp*). | | - Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ.  - Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ.  - Đã tốt nghiệp ngành khác.  - Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành. |
|  | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | * Nghiên cứu sinh được cấp mã số, thẻ học viên * Chương trình đào tạo được cập nhật, có tóm tắt học phần, đề cương chi tiết học phân được công bố trên website Trường.   -Tài liệu chuyên ngành và có liên quan phong phú tại Thư viện trường.   * Phòng máy tính nối mạng, hệ thống wifi. * Phòng thí nghiệm có trang thiết bị đầy đủ, đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập chuyên sâu * Được tạo điều kiện tham gia hội thảo khoa học và chuyên đề | | * Học viên được cấp mã số học viên, thẻ học viên * Chương trình đào tạo được cập nhật, có tóm tắt học phần, đề cương chi tiết học phân được công bố trên website * Phòng học đúng chuẩn và được trang bị các phương tiện giảng dạy theo phương pháp mới * Tài liệu chuyên ngành và có liên quan phong phú tại Thư viện trường. * Phòng máy tính nối mạng, hệ thống wifi. * Phòng thí nghiệm có trang thiết bị đầy đủ, đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập chuyên sâu |
| 1. **Kết quả đạt được và chương trình đào tạo** | | | | |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ** | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | |
| III | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | - **Kiến thức:** Đào tạo những cán bộ có chuyên môn sâu về chế biến lâm sản, có khả năng nghiên cứu khoa học, góp phần vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đào tạo và trang bị năng lực thực hành phù hợp; nghiên cứu sinh phải có bài báo phù hợp với chuyên ngành đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong hoặc ngoài nước.  - **Kỹ năng:** Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phân tích phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Hoàn thành luận án tiến sĩ có nội dung phát hiện những cái mới, đóng góp vào tri thức chung của nhân loại, luận án đưa ra được những điểm mới chưa từng được công bố.  - **Thái độ**: Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, trung thực trọng công việc, chủ động, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phát sinh.  **- Ngoại ngữ:** Sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong công tác. Đạt chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm. | - **Kiến thức:** Đào tạo những cán bộ nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành chuyên môn sâuvề chế biến lâm sản, có khả năng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn.  - **Kỹ năng:** Có khả năng nghiên cứu độc lập, khả năng phân tích phát hiện và giải quyết được những vấn đề có ý nghĩa về khoa học, công nghệ.  - **Thái độ**: Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, trung thực trọng công việc, chủ động, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.  **- Ngoại ngữ:** Sử dụng được ngoại ngữ trong công tác. Đạt chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm. | |
| IV | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tiến sĩ ngành chế biến lâm sản sau khi ra trường. Có khả năng và tinh thần học tập, nghiên cứu độc lập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công việc sau khi ra trường. | Có khả năng học tập, nâng cao trình độ đạt tới trình độ tiến sĩ và sau tiến sĩ ngành chế biến lâm sản sau khi ra trường. Có khả năng và tinh thần học tập, nghiên cứu độc lập nhằm phục vụ cho công việc sau khi ra trường. | |
| V | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | Các trường đào tạo Đại học, Cao đẳng, trung cấp nghề. Các cơ quan quản lý Nhà nước. Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực gia công và sản xuất đồ gỗ. | Các trường đào tạo Đại học, Cao đẳng, trung cấp nghề. Các cơ quan quản lý Nhà nước. Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực gia công và sản xuất đồ gỗ | |
| VI | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  **Cấu trúc chương trình**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Stt** | **Khối kiếm thức** | **Số tín chỉ** | | 1 | Kiến thức bắt buộc | 6 | | 2 | Kiến thức tự chọn | 8 | | 3 | Tiểu luận tổng quan (01 tiểu luận) | 2 | | 4 | Chuyên đề (02 Chuyên đề) | 4 | | 5 | Luận án | 70 | |  | **Tổng cộng** | **90** |   **b. Các khối kiến thức**  **Danh mục các học phần bắt buộc: 6 tín chỉ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Mã số** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | | 1 |  | Khoa học gỗ nâng cao | 2 | | 2 |  | Kỹ thuật vật liệu sinh học | 2 | | 3 |  | Kỹ thuật máy và thiết bị chế biến gỗ | 2 |   **Danh mục các học phần tự chọn: 8/18 tín chỉ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Mã số** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | | 1 |  | Vật liệu composite dạng tấm | 2 | | 2 |  | Vật liệu composite dạng sợi | 2 | | 3 |  | Kỹ thuật gia công gỗ tiên tiến | 2 | | 4 |  | Kỹ thuật uốn, nén gỗ | 2 | | 5 |  | Kỹ thuật xử lý gỗ | 2 | | 6 |  | Kỹ thuật giấy, sợi | 2 | | 7 |  | Kỹ thuật nhiệt phân gỗ | 2 | | 8 |  | Kỹ thuật sấy lâm sản | 2 | | 9 |  | Bảo quản sinh học gỗ | 2 |   **Tiểu luận tổng quan** (01 tiểu luận): **2 tín chỉ**  **Chuyên đề** (02 CĐ): **4 tín chỉ**  **Luận án: 70 tín chỉ**  **Tổng cộng: 90 tín chỉ** | **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | TT | Mã số | | Tên môn học | Số TC | | | **I** | **Kiến thức chung** | | | **6** | | 1 | FUTH 5012 | | Triết học | 3 | | 2 | FUTA 5021 | | Tiếng Anh | 3 | | **II** | **Kiến thức cơ sở** | | | **14** | | **A** | **Các môn bắt buộc** | | | **6** | | 3 |  | Phương pháp NCKH chuyên ngành | | 2 | | 4 |  | Khoa học gỗ ứng dụng | | 2 | | 5 |  | Công cụ cắt trong gia công gỗ | | 2 | | **B** | **Các môn tự chọn** | | | **8/12** | | 6 |  | Mô hình hóa, tối ưu hóa các quá trình công nghệ | | 2 | | 7 |  | Cơ sở đo lường | | 2 | | 8 |  | Keo dán và chất phủ | | 2 | | 9 |  | Hoá học gỗ | | 2 | | 10 |  | Điện tử và điều khiển tự động | | 2 | | 11 |  | Quá trình công nghệ và thiết bị hóa học | | 2 | | **II** | **Kiến thức chuyên ngành** | | | **25** | | **A** | **Các môn bắt buộc** | | | **15** | | 12 |  | Thiết bị chế biến gỗ hiện đại | | 3 | | 13 |  | Công nghệ gia công gỗ hiện đại | | 2 | | 14 |  | Công nghệ sấy lâm sản | | 2 | | 15 |  | Công nghệ nâng cao chất lượng gỗ | | 3 | | 16 |  | Vật liệu compozit gỗ | | 3 | | 17 |  | CN hoàn thiện bề mặt vật liệu gỗ | | 2 | | B | **Các môn tự chọn** | | | **10/16** | | 18 |  | Tổ chức sản xuất chế biến gỗ | | 2 | | 19 |  | Công nghệ chế biến hoá học gỗ | | 2 | | 20 |  | Tự động hoá trong CBLS | | 2 | | 21 |  | Lựa chọn và sử dụng máy gia công gỗ | | 2 | | 22 |  | Quản lý chất lượng sản xuất đồ gỗ | | 2 | | 23 |  | Công nghệ chế biến tre | | 2 | | 24 |  | Công nghệ sản xuất vật liệu wood-nonwood composite | | 2 | | 25 |  | Seminar | | 2 | | **IV** | **Luận văn TN** | | | **15** | | **TỔNG** | | | | **60** | | |